

Bản án số: 109/2020/HNGĐ-ST

Ngày 30 - 6 - 2020

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lương Ngọc Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Ngô Thị Thu Hà

Ông Trần Đình Diệu

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Trang Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã Q, huyện T, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Thôn 5, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Đỗ Văn T; địa chỉ: Thôn P, xã Q, huyện T, thành phố Hải Phòng. Hiện đang chấp hành án phạt tù tại phân trại II, Trại giam số 6 - Bộ Công an; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 19/11/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị T (nguyên đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quảng Thanh, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng số 16 ngày 07 tháng 3 năm 2007. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất

đồng quan điểm trong cuộc sống, anh T làm ăn phi pháp, chị T đã khuyên bảo nhưng anh T không nghe. Năm 2012, anh T bị xử phạt 17 năm tù về tội phạm ma túy, chị T đã bỏ về nhà bố mẹ để ở, vợ chồng sống ly thân từ năm 2012 đến nay. Chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, khả năng đoàn tụ gia đình không có nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn anh Đỗ Văn T.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị T khai chị và anh Đỗ Văn T có 02 con chung là Đỗ Thị Thủy T, sinh ngày 12 tháng 05 năm 2005 và Đỗ Tùng L, sinh ngày 05 tháng 9 năm 2011, hiện chị T đang nuôi cả hai con. Trường hợp ly hôn, chị T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con chung.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T khai chị và anh Đỗ Văn T không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 22/05/2020, bị đơn là anh Đỗ Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh Đỗ Văn T kết hôn với chị Nguyễn Thị T trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quảng Thanh, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng số 16 ngày 07 tháng 3 năm 2007. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được một thời gian. Nay chị T xin ly hôn, anh T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh T đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh Đỗ Văn T khai anh và chị Nguyễn Thị T có 02 con chung là Đỗ Thị Thủy T, sinh ngày 12 tháng 05 năm 2005 và Đỗ Tùng L, sinh ngày 05 tháng 9 năm 2011, hiện chị T đang nuôi cả hai con. Trường hợp ly hôn, anh T đồng ý để chị T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con chung.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Thủy khai hiện đang chấp hành án, không có điều kiện cấp dưỡng nuôi con chung nên anh đề nghị được tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh Đỗ Văn T khai anh và chị Nguyễn Thị T không có tài sản chung nên anh không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Tài liệu điều tra thể hiện quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Văn T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1

Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị T và anh T được ly hôn. Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Văn T có 02 con chung là Đỗ Thị Thủy T, sinh ngày 12 tháng 05 năm 2005 và Đỗ Tùng L, sinh ngày 05 tháng 9 năm 2011, hiện chị T đang nuôi cả hai con. Trường hợp ly hôn, chị T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con chung, anh Thủy đồng ý để chị T được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung. Căn cứ tài liệu điều tra xác minh hiện trạng nuôi con, khả năng, điều kiện nuôi con của mỗi bên, nguyện vọng của con chung đề nghị Tòa án giao cho chị Nguyễn Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Đỗ Thị Thủy T, sinh ngày 12 tháng 05 năm 2005 và Đỗ Tùng L, sinh ngày 05 tháng 9 năm 2011 cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung, đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Kiểm sát viên không đề cập giải quyết trong vụ án này. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 - 12 - 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Văn T đã được Tòa án triệu tập họp lệ, chị T và anh T đều có đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh T.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Văn T được xác lập năm 2007 là hợp pháp. Tài liệu điều tra xác minh thể hiện: Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong lao động, trong sinh hoạt dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau. Do mâu thuẫn, chị T và anh T đã sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Chị T xin ly hôn, anh T xác nhận tình cảm vợ chồng không còn nên cũng đồng ý ly hôn. Điều này thể hiện quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, áp dụng khoản 1 Điều 55, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị T và anh T được ly hôn.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Văn T thống nhất khai có 02 con chung là Đỗ Thị Thủy T, sinh ngày 12 tháng 05 năm 2005 và Đỗ Tùng L, sinh ngày 05 tháng 9 năm 2011, hiện chị T đang nuôi cả hai con. Trường hợp ly hôn, chị T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con chung, anh Thủy đồng ý để chị T được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt

và đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên. Xét thấy, từ khi sống ly thân đến nay, chị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung và vẫn đảm bảo tốt về mọi mặt. Các con chung chung đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy, giao cho chị Nguyễn Thị T Thu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Đỗ Thị Thủy T, sinh ngày 12 tháng 05 năm 2005 và Đỗ Tùng L, sinh ngày 05 tháng 9 năm 2011 cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở là phù hợp với Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình và phù hợp với nguyện vọng của con chung.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Văn T thống nhất khai không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 - 12 - 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 - 12 - 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Văn T.
2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T Thu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Đỗ Thị Thủy T, sinh ngày 12 tháng 05 năm 2005 và Đỗ Tùng L, sinh ngày 05 tháng 9 năm 2011 cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.
3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng anh Nguyễn đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003473 ngày 12 tháng 02 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện. Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã Q, huyện T; HP;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Ngọc Anh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Đông

Trần Đình Diệu

Lương Ngọc Anh

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 11 giờ 1 phút, ngày 09 tháng 02 năm 2018

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lương Ngọc Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Thu Hà
2. Ông Nguyễn Văn Đông

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 790/2017/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2017 về “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” giữa:

1. *Nguyên đơn*: Chị Bùi Thị Kim Oanh sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn 9, xã Kỳ Sơn, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)
2. *Bị đơn*: Anh Ngô Văn Dũng sinh năm 1987; địa chỉ: Xã Lại Xuân, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Hiện đang chấp hành án phạt tù tại phân trại 3, Trại giam Xuân Nguyên. Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

- Về điều luật áp dụng: Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 - 12 - 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Bùi Thị Kim Oanh và anh Ngô Văn Dũng.

2. Về con chung: Giao cho chị Bùi Thị Kim Oanh được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung tên Ngô Thị Tuyết sinh ngày 16/01/2005 và Ngô Kỳ Hiếu sinh ngày 13/6/2007 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị Kim Oanh phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng anh Nguyên đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0008508 ngày 21 tháng 11 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, chị Bùi Thị Kim Oanh đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị Kim Oanh và anh Ngô Văn Dũng có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nghị án kết thúc vào hồi 11 giờ 20 phút, ngày 09 tháng 02 năm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Thu Hà

Nguyễn Văn Đông

Lương Ngọc Anh